

Số: 07/2019/QĐST-HNGĐ

Tiền Yên, ngày 23 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, giữa:

Chị Phạm Thị Th1 – sinh năm 1983 và anh Nông Minh T – sinh năm 1984; cùng địa chỉ: thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Phạm Thị Th1 và anh Nông Minh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: anh Nông Minh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 (hai) con chung Nông Thương Th2 – sinh ngày 15/12/2004 và Nông Hải Th3 – sinh ngày 02/6/2009 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi); chị Th1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, mức cấp

đưỡng cho mỗi con 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng trên tháng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2019 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Th1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Th1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: chị Phạm Thị Th1 và anh Nông Minh T không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Phạm Thị Th1 tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm gồm 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Tòa án chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008090 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị Th1 đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Tiên Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Yên;
- UBND xã B, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lý Văn Thái